TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2023/HNGĐ – ST
Ngày: 08/6/2023
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đức Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa

2. Ông Trần Thanh Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Kiều Văn Liêu – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 153/2023/TLST-HN ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 172/2023/QĐST - HNGĐ ngày 16/5/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1993.

Cư trú: Số 263, khóm D5, phường P, thành phố X, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Ông Võ Minh T, sinh năm 1991.

Cư trú: Số 40-L5, khóm D9, phường P, thành phố X, tỉnh An Giang.

(Bà N có đơn xin vắng mặt, ông T vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và tại biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày:***

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Võ Minh T tự quen biết, tìm hiểu sau đó tiến đến hôn nhân. Đến ngày 05/7/2011, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 124 ngày 05 tháng 7 năm 2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc

được 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, cả hai bất đồng quan điểm sống. Bà N và ông T đã ly thân từ năm 2021 đến nay, mặc dù cả hai đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không D được nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông T.

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Minh T1, sinh ngày 09/4/2012 và Võ Nguyễn Minh D, sinh ngày 05/05/2014. Hiện nay con chung đang sống chung với bà N. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Võ Minh T vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Bà Nguyễn Thị Hồng N có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do bận công việc gia đình.

Ông T vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:

**** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:***

Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án;

*** Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến nay:**

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng nhiều lần vắng không có lý do, không tham gia các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*** Quan điểm giải quyết vụ án:**

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với ông Võ Minh T.

Về con chung: giao 02 con chung cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông T trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng:***

[1.1] Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Hồng N với ông Võ Minh T là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng cho ông T tại nơi cứ nhưng ông T vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] ***Về nội dung:***

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông T tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn, về sau không còn hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất hòa, vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 đến nay vẫn không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà N nhận thấy vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc mục đích hôn nhân không D được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

[2.2] Phía bị đơn được Tòa án nhiều lần tống D các văn bản tố tụng tại nơi cư trú nhưng ông T vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, cũng như không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình qua yêu cầu ly hôn của bà N. Như vậy, ông T đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đồng nghĩa với việc ông không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của mình.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng động viên bà N và tạo thêm thời gian để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, bà N vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn vì vợ chồng đã ly thân từ năm 2021đến nay nhưng giữa vợ chồng vẫn không hàn gắn được tình cảm. Từ đó, có thể nhận thấy ông T không còn quan tâm đến hôn nhân của mình, mặt khác tình cảm của bà N dành cho chồng không còn, tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không D được. Xét thấy, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà N được ly hôn với ông T.

[2.4]Về con chung: Bà N và ông T có 02 con chung tên Võ Minh T1, sinh ngày 09/4/2012 và Võ Nguyễn Minh D, sinh ngày 05/05/2014 hiện nay đang sống với bà N. Sau khi ly hôn bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Mặt khác, cháu T1 và cháu D cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Xét thấy, cháu cháu T1 và cháu D hiện nay do bà N chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó nhằm đảm bảo ổn định về tinh thần và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

giao cháu Võ Minh T1, sinh ngày 09/4/2012 và Võ Nguyễn Minh D, sinh ngày 05/05/2014 cho bà N tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục.

Bà N và gia đình phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông T được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[2.5] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] ***Về án phí*:** Bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 177; Điều 179; khoản 1 Điều 227, Điều 228; Điều 273 và khoản 1 Điều 280; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng N. Bà Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với ông Võ Minh T.

- Về con chung: cháu Võ Minh T1, sinh ngày 09/4/2012 và Võ Nguyễn Minh D, sinh ngày 05/05/2014 cho bà N tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Võ Minh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà N và gia đình phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông T được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số ngày 29/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Bà N đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự ;*
- *VKSND TPLX;*
- *THADS TPLX;*
- *UBND xã Bình Mỹ;*
- *Lưu hồ sơ./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Đức Anh